



PHIẾU BÀI TẬP TOÁN LỚP 2

Bảng trừ (qua 10) · Bài toán nhiều hơn, ít hơn · sách Kết nối tri thức



Tuần 7

Họ và tên:

Lớp:



Bài 1: Tính nhẩm

$15 - 8 = \square$

$13 - 4 = \square$

$12 - 3 = \square$

$13 - 9 = \square$

$18 - 9 = \square$

$11 - 5 = \square$

$17 - 8 = \square$

$15 - 7 = \square$



Bài 2: Số?

$16 - \square = 7$

$\square - 8 = 9$

$14 - \square = 8$

$\square - 9 = 5$

$11 - \square = 7$

$18 - \square = 9$

$11 - \square = 8$

$\square - 8 = 8$



Bài 3: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

1. Kết quả của phép tính $16 - 9$ là:

(A) 6

(B) 7

(C) 8

(D) 9

2. Phép tính nào có kết quả bằng 8?

(A) $13 - 4$

(B) $15 - 7$

(C) $12 - 3$

(D) $11 - 4$



Bài 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S

☐ a) $14 - 6 = 8$

☐ b) $12 - 5 = 6$



Bài 5: Bài toán

1. Hùng có 9 viên bi, Dũng có nhiều hơn Hùng 5 viên bi. Hỏi Dũng có bao nhiêu viên bi?

.....
.....



2. Chị Hoa hái được 16 quả cam, em Mai hái được ít hơn chị Hoa 7 quả. Hỏi em Mai hái được bao nhiêu quả cam?

.....
.....
.....



ĐÁP ÁN – TOÁN LỚP 2

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài



Tuần 7

Bài 1: Tính nhẩm

$15 - 8 = 7$ $13 - 4 = 9$ $12 - 3 = 9$ $13 - 9 = 4$ $18 - 9 = 9$ $11 - 5 = 6$ $17 - 8 = 9$ $15 - 7 = 8$

Bài 2: Số?

$16 - 9 = 7$ $17 - 8 = 9$ $14 - 6 = 8$ $14 - 9 = 5$ $11 - 4 = 7$ $18 - 9 = 9$ $11 - 3 = 8$ $16 - 8 = 8$

Bài 3: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

1. B (7) 2. B (15 - 7)

Bài 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) Đ b) S

Bài 5: Bài toán

- Dũng có số viên bi là: $9 + 5 = 14$ (viên bi). Đáp số: 14 viên bi.
- Em Mai hái được số quả cam là: $16 - 7 = 9$ (quả cam). Đáp số: 9 quả cam.

on thi.app/phiếu-bai-tap – in miễn phí cả 35 tuần, có đáp án

🌟 Ôn Thi · học như chơi, lớp 1–5